

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 277/2023/DS-PT
Ngày: 11/07/2023
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Phận;

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng;

Ông Phan Thanh Tòng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồ Nhật Hạ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Lê Thị Hồng Phấn – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 07 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 05 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1654A/2023/QĐ-PT ngày 08 tháng 06 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn:

1. Anh Võ Minh H, sinh năm 1975 (Có mặt)

2. Chị Phạm Thị L, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bà L ủy quyền hoàn toàn cho ông Võ Minh H tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền được chứng thực ngày 19/7/2022

- *Người kháng cáo:* Bị đơn – Ông Võ Minh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/3/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/02/2023 và trong quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:*

Vào năm 2018 và năm 2019 (al) vợ chồng anh Võ Minh H và chị Phạm Thị L có chơi hụi do bà làm chủ hụi và có vay tiền của bà cụ thể như sau:

*** Tiền hụi:**

Dây hụi khai ngày ngày 05/9/2018 (al), hụi mệnh giá 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 05 (al) hàng tháng, anh H, chị L tham gia chơi 01 phần, dây hụi chơi này anh chị đã hốt vào kỳ thứ 2, hốt được số tiền là 21.750.000 đồng (bỏ 250.000 đồng để hốt) và chị N đã giao số tiền hốt hụi cho anh H, chị L đầy đủ, sau khi hốt hụi thì anh chị có đóng hụi chết đầy đủ đến hết tháng 10/2019 thì anh chị không đóng hụi chết nữa. Như vậy dây hụi anh H, chị L còn 16 phần chưa đóng với số tiền còn nợ lại là 16.000.000 đồng. Dây hụi này đã mãn vào ngày 05/02/2021 (al).

*** Tiền vay:**

Trước đây đối với các dây hụi mà chị khởi kiện là hụi mua vào các ngày: Vào ngày 05/4/2018 (al), 15/12/2018 (al), 05/07/2018 (al), 27/4/2019 (al). Trước đây các bên lập hợp đồng hình thức là mua hụi có giấy tờ giao hụi tuy nhiên những dây hụi này không có hụi viên, chỉ có chị và anh H, chị L quy định số phần hụi, tự quy định hình thức sau khi giao tiền hụi là anh H phải trả góp hàng tháng cho đến khi đủ số phần nên chị xác định lại thực chất đây là hình thức cho vay tiền chứ không phải chơi hụi. Cụ thể:

1/ Vào ngày 05/4/2018 (al), chị có cho anh H, chị L vay số tiền là 20.500.000 đồng, có làm giấy tay với hình thức là giao tiền hụi, quy định anh H, chị L phải trả góp cho chị mỗi tháng 1.000.000 đồng bắt đầu từ ngày 05/5/2018 (al), góp đủ 30 tháng nhưng sau đó anh H, chị L đóng đến tháng 10/2019 (al) với số tiền là 18.000.000 đồng thì ngưng không đóng nữa.

2/ Vào ngày 15/12/2018 (al), chị có cho anh H, chị L vay số tiền là

41.000.000 đồng, có làm giấy tay với hình thức là giao tiền hụi, quy định anh H, chị L phải trả góp cho chị mỗi tháng 2.000.000 đồng bắt đầu từ ngày 15/01/2019 (al), góp đủ 30 tháng nhưng sau đó anh H, chị L đóng đến tháng 10/2019 (al) với số tiền là 20.000.000 đồng thì ngưng không đóng nữa.

3/ Vào ngày 05/7/2018 (al), chị có cho anh H, chị L vay số tiền là 41.000.000 đồng, có làm giấy tay với hình thức là giao tiền hụi, quy định anh H, chị L phải trả góp cho tôi mỗi tháng 2.000.000 đồng bắt đầu từ ngày 05/8/2018 (al), góp đủ 30 tháng nhưng sau đó anh H, chị L đóng đến tháng 10/2019 (al) với số tiền là 30.000.000 đồng thì ngưng không đóng nữa.

4/ Vào ngày 27/4/2019 (al), chị có cho anh H, chị L vay số tiền là 20.500.000 đồng, có làm giấy tay với hình thức là giao tiền hụi, quy định anh H, chị L phải góp cho chị mỗi tháng 1.000.000 đồng bắt đầu từ ngày 27/5/2019 (al), góp đủ 30 tháng nhưng sau đó anh H, chị L đóng đến tháng 10/2019 (al) với số tiền là 6.000.000 đồng thì ngưng không đóng nữa.

Như vậy nếu tính trên số tiền gốc thì chị đã cho anh H vay số tiền là 123.000.000 đồng trừ đi số tiền anh H, chị L đã đóng cho chị là 74.000.000 đồng thì anh H, chị L còn nợ chị số tiền gốc là 49.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Bà N xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hụi của dây hụi khai ngày 05/9/2018 (al), vì dây hụi này chị chỉ có Danh sách hụi, anh H không thừa nhận có dây hụi này nên chị xin rút lại để thu thập thêm tài liệu chứng cứ sẽ khởi kiện lại sau nếu thấy cần thiết.

Về số tiền vay chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh H, chị L phải có nghĩa vụ trả cho chị số tiền gốc là 49.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của nhà nước với lãi suất là 1.66% mỗi tháng từ ngày 1/11/2019 (al) (nhằm ngày 26/11/2019 dương lịch) cho đến ngày xét xử, tạm tính đến ngày 26/02/2023 dương lịch là $49.000.000 \text{ đồng} \times 39 \text{ tháng} \times 1.66 = 31.722.600 \text{ đồng}$

Tổng cộng gốc và lãi là $49.000.000 \text{ đồng} + 31.722.600 \text{ đồng} = 80.722.600 \text{ đồng}$.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/7/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên Tòa, bị đơn anh Võ Minh H cũng là người nhận ủy quyền của chị Phạm Thị L trình bày:*

- Về số tiền hụi bà N yêu cầu của dây hụi khai ngày 05/9/2018 (al), dây hụi này

anh không biết và cũng không tham gia chơi của bà N, nay bà N rút đơn yêu cầu đối với đây hội này thì anh không có ý kiến.

- Về số tiền vay anh thừa nhận đã nhận của bà N 04 lần tiền vay vào các ngày 05/4/2018 (al), 15/12/2018 (al), 05/07/2018 (al), 27/4/2019 (al) với tổng số tiền đã nhận như bà N trình bày là 123.000.000 đồng là đúng, giấy giao nhận tiền được bà N lập thành giấy giao hội để hợp thức hóa cho khoản lãi cao chứ thực chất đây là hợp đồng vay tài sản, về cách thức góp tiền của các khoản vay như bà N trình bày là đúng. Anh đã góp hàng tháng cho bà N đầy đủ đến tháng 10/2020 (al) mới ngưng chứ không phải đến tháng 10/2019 (al) như bà N trình bày. Nếu tính đóng tới 10/2019 (al) thì anh đã đóng cho bà N được 74.000.000 đồng (như bà N trình bày), tuy nhiên từ 10/2019 (al) đến tháng 10/2020 (al) thì anh đóng thêm được 72.000.000 đồng nữa (mỗi tháng đóng 6.000.000 đồng của 04 khoản vay). Tổng cộng anh đã đóng cho bà N được 146.000.000 đồng.

Số tiền anh vay của bà N là 123.000.000 đồng, số tiền anh đã trả cho bà N là 146.000.000 đồng. Như vậy số tiền anh đã góp dư so với số tiền đã nhận, bà N phải trả cho anh số tiền anh đã góp dư nhưng anh không yêu cầu về số tiền này, coi như đã góp xong không còn nợ nần gì bà N nữa nên qua yêu cầu của bà N thì anh không đồng ý.

Anh vay tiền của bà N nhằm mục đích phục vụ kinh tế trong gia đình, vợ anh là chị L có biết và đồng ý cho anh vay nhưng người giao dịch trực tiếp với bà N là anh. Anh và chị L là vợ chồng sống chung có đăng ký kết hôn tại UBND xã P vào khoản năm 1996, hiện tại vẫn còn đang sống chung, có con chung.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre đã tuyên:

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Điều 92, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự ;

Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N đối với đối với anh Võ Minh H và chị Phạm Thị L về việc yêu cầu trả số tiền hụi 16.000.000 đồng của dây hụi khai ngày 05/9/2018 (al).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N đối với anh Võ Minh H và chị Phạm Thị L. Về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

3. Buộc vợ chồng anh Võ Minh H và chị Phạm Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị N số tiền là 80.722.600 đồng (tám mươi triệu bảy trăm hai mươi hai ngàn sáu trăm đồng). Trong đó tiền vốn gốc là 49.000.000 đồng và tiền lãi là 31.722.600 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, tiền chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/04/2023, ông Võ Minh H có đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giữ y án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn.

Bị đơn: ông Võ Minh H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại vụ án, tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS 2015 đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Minh H giữ nguyên bản án sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của ông Võ Minh H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Võ Minh H kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

Ông H thừa nhận có vay tiền của bà N tổng số tiền là 123.000.000 đồng theo các giấy giao nhận tiền hụi vào các ngày 05/4/2018 al; ngày 05/7/2018 al; ngày 15/12/2018 al; ngày 27/4/2019 al. Thống nhất cách thức trả tiền là góp theo hàng tháng của từng khoản vay cho đến khi đủ 30 tháng kể từ ngày vay.

Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, đây là tình tiết không phải chứng minh. Tuy nhiên, quá trình thực hiện thỏa thuận giữa các bên không thống nhất được với nhau về thời gian anh H sau khi vay tiền phải có nghĩa vụ trả góp cho bà N. Do đó, các bên phát sinh trách nhiệm dân sự như thỏa thuận.

Cụ thể: Bà N trình bày tất cả các khoản vay anh H đều góp đến hết tháng 10/2019 (al), với tổng số tiền đã góp là 74.000.000 đồng, còn nợ lại tiền gốc là 49.000.000 đồng. Trong khi đó anh H trình bày đã trả góp hàng tháng cho tất cả các khoản vay trên đến tháng 10/2020 (al) với số tiền 146.000.000 đồng.

Như vậy lời trình bày giữa các bên có sự chênh lệch về thời gian anh H trả tiền góp hàng tháng cho bà N là từ 10/2019 (al) -10/2020 (al) với số tiền chênh lệch là 72.000.000 đồng.

[3] Anh H là người vay tiền, thừa nhận nợ của bà N số tiền 123.000.000 đồng. Do đó, khi ông H cho rằng ông đã giao cho bà N số tiền góp tổng cộng 146.000.000 đồng thì ông phải có trách nhiệm cung cấp chứng cứ chứng minh. Do ông H không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên lời trình bày của ông H không được HĐXX chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính lãi suất của bà N, nhận thấy:

Anh H là người vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay nên phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự kể từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên yêu cầu tính lãi suất của bà N đối với anh H, chị L với mức lãi suất 1.66% mỗi tháng kể từ ngày 01/11/2019 (al) nhằm ngày 26/11/2019 dương lịch đến khi xét xử vụ án là 39 tháng là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể số tiền lãi được tính như sau:

$49.000.000 \text{ đồng} \times 39 \text{ tháng} \times 1.66\%/\text{tháng} = 31.722.600 \text{ đồng}$

Như vậy: tổng cộng số tiền gốc và lãi anh H phải có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền là 80.722.600 đồng.

[5] Do ông H kháng cáo nhưng không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông H.

[6]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Minh H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2023/DS-ST ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Điều 92, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự ;

Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N đối với đối với anh Võ Minh H và chị Phạm Thị L về việc yêu cầu trả số tiền hụi 16.000.000 đồng của dây hụi khai ngày 05/9/2018 (al).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N đối với anh Võ Minh H và chị Phạm Thị L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc vợ chồng anh Võ Minh H và chị Phạm Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị N số tiền là 80.722.600 đồng (tám mươi triệu bảy trăm hai

mười hai ngàn sáu trăm đồng). Trong đó tiền vốn gốc là 49.000.000 đồng và tiền lãi là 31.722.600 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong tất cả các khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Anh Võ Minh H và bà Phạm Thị L phải liên đới chịu 4.036.000 đồng (bốn triệu không trăm ba mươi sáu ngàn đồng) án phí.

- Hoàn trả 3.050.000đ (Ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí cho bà Trần Thị N theo biên lai thu số 0008615 ngày 13 tháng 6 năm 2022 của chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Võ Minh H phải chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006607 ngày 30/05/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Bình Đại;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Phận

